

## CHIẾN LƯỢC DIỄN ĐẠT Ý KIẾN TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH: GÓC NHÌN CHỨC NĂNG - NGỮ DỤNG

NGUYỄN THỊ VÂN<sup>1</sup>  
HUỲNH THỊ THU HẰNG<sup>2</sup>

**Abstract:** This article aims to explore the strategies used to express opinions in Vietnamese and English from a functional-pragmatic perspective. It investigates how speakers convey their attitudes and stances through language, thereby identifying both similarities and differences between the two languages. The study seeks to provide theoretical insights and practical implications for foreign language teaching and translation by deepening the understanding of pragmatic expression strategies in each language.

**Keywords:** *opinion expression, functional-pragmatics, Vietnamese, English, communication strategies.*

### 1. Dẫn nhập

Diễn đạt ý kiến là một hoạt động giao tiếp quan trọng, giúp người nói thể hiện quan điểm và thái độ của mình. Trong giao tiếp xã hội, những khác biệt văn hóa và ngôn ngữ ảnh hưởng đến cách thức biểu đạt ý kiến. Các lý thuyết hành vi ngôn ngữ của Austin và Searle gợi ý rằng việc diễn đạt ý kiến không chỉ dùng để truyền đạt thông tin mà còn tạo ra hành động giao tiếp [3], [9]. Trong khi đó, lý thuyết lịch sự giao tiếp (Politeness Theory) của Brown và Levinson nhấn mạnh vai trò của yếu tố văn hóa và quy tắc lịch sự trong việc trình bày ý kiến [6].

Ví dụ, trong tiếng Anh, khi bày tỏ ý kiến trái chiều, người nói thường sử dụng các cụm từ giảm nhẹ để duy trì phép lịch sự, chẳng hạn:

- *I see your point, but I think there might be another perspective to consider.*
- *With all due respect, I have to disagree with your statement.*

Ngược lại, trong tiếng Việt, người nói có thể diễn đạt ý kiến một cách trực tiếp hơn, nhưng vẫn sử dụng một số từ ngữ mang tính giảm nhẹ như:

- *Tôi hiểu ý của anh/chị, nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta nên xem xét thêm một khía cạnh khác.*
- *Theo tôi, có lẽ cách tiếp cận này chưa thực sự phù hợp.*

Những khác biệt này cho thấy vai trò của ngôn ngữ trong việc xây dựng quan hệ xã hội và thể hiện lập trường cá nhân.

Từ những so sánh về cách diễn đạt ý kiến trái chiều giữa người nói tiếng Việt và tiếng Anh, có thể thấy rằng ngôn ngữ không chỉ là phương tiện truyền đạt nội dung mà còn phản ánh sâu sắc những chuẩn mực văn hóa và chiến lược giao tiếp đặc trưng của từng cộng đồng. Việc lựa chọn hình thức trực tiếp hay gián tiếp, sử dụng hay không sử dụng các cụm từ giảm nhẹ, đều phụ thuộc vào bối cảnh xã hội - văn hóa và các giá trị nền tảng như sự hài hòa, thể diện, hay tính thẳng thắn trong trao đổi. Những quan sát này đặt ra nhu cầu cần tiếp cận hiện tượng diễn đạt ý kiến không chỉ từ góc độ ngôn ngữ học đối chiếu, mà còn dựa trên các cơ sở lý thuyết về hành vi ngôn ngữ và lịch sự giao tiếp. Trong phần tiếp theo, bài viết sẽ trình bày các khung lý thuyết nền tảng, bao gồm Lý thuyết hành vi ngôn ngữ [3, tr.10], Lý thuyết lịch sự [6], cùng cách tiếp cận giao tiếp liên văn hóa nhằm làm rõ hơn cơ chế và yếu tố chi phối việc bày tỏ quan điểm trong các ngữ cảnh khác nhau.

### 2. Cơ sở lý thuyết

Mỗi ngôn ngữ có một hệ thống quy tắc giao tiếp riêng biệt, phản ánh những đặc trưng văn hóa và xã hội của cộng đồng sử dụng. Để hiểu rõ sự khác biệt trong cách diễn đạt ý kiến giữa tiếng Việt và tiếng Anh, bài viết dựa trên những cơ sở lý thuyết sau:

#### 2.1. Lý thuyết hành vi ngôn ngữ (Speech Act Theory)

Lý thuyết hành vi ngôn ngữ là một nhánh quan trọng của ngữ dụng học, nghiên cứu cách con người sử dụng ngôn ngữ để thực hiện hành động trong giao tiếp. Được đề xuất bởi J.L. Austin trong tác phẩm *How to do things with words* [3] và phát triển thêm bởi John Searle [10], lý thuyết này chỉ ra rằng ngôn ngữ không chỉ dùng để mô tả thế giới mà còn có khả năng thực hiện hành động. Austin phân

<sup>1,2</sup> Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

loại hành vi ngôn ngữ thành ba cấp độ: (1) Hành vi tạo phát ngôn (*locutionary act*) là quá trình tạo ra một câu nói có ý nghĩa; (2) Hành vi ngôn trung (*illocutionary act*) thể hiện ý định của người nói; (3) Hành vi ngôn hậu (*perlocutionary act*) là tác động của phát ngôn lên người nghe. Ví dụ, khi một giáo viên nói: *Các em cần hoàn thành bài tập này trước thứ Hai*, câu nói này không chỉ là một mệnh đề có nghĩa (hành vi tạo phát ngôn) mà còn mang ý định yêu cầu (hành vi ngôn trung) và có thể gây áp lực lên sinh viên (hành vi ngôn hậu).

Searle [10] đã phát triển thêm phân loại hành vi ngôn trung, chia chúng thành năm nhóm chính: (1) Hành vi khẳng định (*assertives*) thể hiện niềm tin của người nói, chẳng hạn như câu *Trái đất quay quanh Mặt trời*. (2) Hành vi yêu cầu (*directives*) nhằm thúc đẩy người nghe thực hiện một hành động, như *Làm ơn đóng cửa giúp tôi*. (3) Hành vi cam kết (*commissives*) thể hiện cam kết của người nói về một hành động trong tương lai, ví dụ: *Tôi hứa sẽ giúp bạn với bài tập này*. (4) Hành vi bày tỏ (*expressives*) thể hiện cảm xúc hoặc thái độ, chẳng hạn *Tôi rất vui khi gặp bạn*. (5) Hành vi tuyên bố (*declarations*) có khả năng thay đổi thực tế, như trong câu *Tôi tuyên bố cuộc họp đã kết thúc*.

Ứng dụng lí thuyết hành vi ngôn ngữ vào giao tiếp cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa các nền văn hóa, đặc biệt là giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Trong tiếng Anh, người nói có xu hướng sử dụng hành vi ngôn trung gián tiếp để thể hiện sự lịch sự và tránh gây khó chịu. Ví dụ, thay vì nói trực tiếp *Give me the salt!* (Đưa tôi lọ muối!), họ thường diễn đạt gián tiếp hơn: *Could you pass me the salt, please?* (Bạn có thể chuyển lọ muối giúp tôi không?). Xu hướng này phản ánh văn hóa phương Tây, thể hiện sự tôn trọng quyền riêng tư và không áp đặt đối phương trong giao tiếp.

Ngược lại, trong tiếng Việt, cách sử dụng hành vi ngôn ngữ phụ thuộc vào bối cảnh giao tiếp và quan hệ giữa người nói với người nghe. Trong các tình huống trang trọng, người Việt có xu hướng dùng cách nói giảm nhẹ hoặc gián tiếp, chẳng hạn *Có lẽ chúng ta nên cân nhắc thêm về phương án này* thay vì *Tôi không đồng ý với quan điểm này*. Tuy nhiên, trong môi trường thân mật, người Việt có thể diễn đạt trực tiếp hơn, như *Tôi không thích món ăn này* thay vì cách nói gián tiếp theo phong cách tiếng Anh (*It's not really my favorite*. - Nó không thực sự là món tôi thích). Bên cạnh đó, hệ thống đại từ nhân xưng phong phú của tiếng Việt cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện mức độ lịch sự, tôn trọng và quan hệ xã hội. Một sinh viên Việt Nam có thể nói với giáo viên: *Thầy ơi, em có thể nộp bài trễ một ngày không ạ?*, thay vì cách nói trực tiếp hơn như *Tôi muốn nộp bài trễ một ngày*.

Những khác biệt trong việc sử dụng hành vi ngôn ngữ giữa các nền văn hóa có thể dẫn đến hiểu lầm trong giao tiếp liên văn hóa. Nghiên cứu của Blum-Kulka & Olshtain [5] cho thấy rằng người nói tiếng Anh thường sử dụng nhiều chiến lược lịch sự hơn trong yêu cầu so với người nói tiếng Việt. Điều này có thể gây khó khăn cho người học tiếng Anh khi giao tiếp với người bản ngữ, vì họ có thể vô tình bị coi là thẳng thắn hoặc thiếu tế nhị. Ví dụ, một sinh viên Việt Nam có thể nói với giáo viên: *Cô kiểm tra bài giúp em với*, trong khi một sinh viên bản ngữ tiếng Anh có thể nói: *Would you mind checking my assignment, please?*. Sự khác biệt này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu biết về hành vi ngôn ngữ trong bối cảnh đa văn hóa, giúp cá nhân giao tiếp hiệu quả và tránh những tình huống gây hiểu lầm không mong muốn.

## 2.2. Lí thuyết lịch sự trong giao tiếp (*Politeness Theory*)

Lí thuyết lịch sự trong giao tiếp do Brown và Levinson [6] phát triển đã trở thành một trong những nền tảng quan trọng trong nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội. Theo lí thuyết này, con người luôn có nhu cầu bảo vệ *thể diện* trong giao tiếp. Thể diện gồm hai loại: *thể diện dương* - mong muốn được người khác tôn trọng, công nhận và *thể diện âm* - mong muốn được tự do hành động mà không bị áp đặt. Khi một phát ngôn có nguy cơ đe dọa thể diện của người khác, người nói thường sử dụng các chiến lược lịch sự nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực và duy trì quan hệ xã hội.

Các chiến lược lịch sự được chia thành bốn nhóm chính, tùy vào mức độ gián tiếp. *Chiến lược trực tiếp không lịch sự* thường xuất hiện khi sự rõ ràng và hiệu quả được đặt lên hàng đầu, chẳng hạn như trong tình huống khẩn cấp: *Đưa tôi tài liệu đó ngay!*. Trong khi đó, *chiến lược lịch sự dương* giúp duy trì mối quan hệ tích cực bằng cách thể hiện sự đồng cảm hoặc khen ngợi trước khi đưa ra nhận xét. Ví dụ, thay vì phê bình thẳng thắn, một người có thể nói: *Bài thuyết trình của bạn rất ấn tượng! Tôi có một đề xuất nhỏ để giúp nó hoàn thiện hơn*. Bên cạnh đó, *chiến lược lịch sự âm* được sử dụng khi người nói muốn thể hiện sự tôn trọng quyền tự do lựa chọn của người nghe, bằng cách thêm vào các cụm từ giảm nhẹ như *Tôi biết bạn đang bận, nhưng liệu bạn có thể giúp tôi một chút không?*. Trong

trường hợp cần tránh áp lực hoàn toàn, người nói có thể sử dụng *chiến lược né tránh*, thể hiện qua cách nói gián tiếp, chẳng hạn như: *Không biết có ai có thể giúp tôi với việc này không nhỉ?*

Trong giao tiếp tiếng Anh, đặc biệt ở môi trường chuyên nghiệp hoặc trang trọng, người bản ngữ thường ưu tiên sử dụng *chiến lược lịch sự âm* để tránh gây mất thiện cảm. Thay vì nói thẳng *Bạn sai rồi*, họ có thể chọn cách diễn đạt mềm mại hơn như *Tôi hiểu quan điểm của bạn, nhưng tôi không chắc mình hoàn toàn đồng ý*. Ngược lại, tiếng Việt có xu hướng linh hoạt hơn. Trong bối cảnh thân mật, người Việt có thể diễn đạt ý kiến trực tiếp như *Tôi không đồng ý với ý kiến này*, nhưng trong những tình huống cần giữ phép lịch sự, họ cũng có thể dùng cách nói giảm nhẹ như *Có lẽ chúng ta nên cân nhắc thêm*.

Những khác biệt này phản ánh đặc trưng văn hóa của mỗi cộng đồng ngôn ngữ. Nếu người Anh thường chú trọng đến quyền tự do cá nhân và sự tế nhị trong giao tiếp, thì người Việt lại đề cao yêu tố cộng đồng và sự linh hoạt trong cách diễn đạt. Việc hiểu rõ các chiến lược lịch sự không chỉ giúp cá nhân giao tiếp hiệu quả hơn mà còn góp phần duy trì và phát triển các mối quan hệ trong xã hội.

Bằng cách đối chiếu những lí thuyết này với thực tế sử dụng ngôn ngữ, nghiên cứu cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về chiến lược diễn đạt ý kiến trong hai ngôn ngữ và ứng dụng của chúng trong giao tiếp hàng ngày.

### 2.3. Lí thuyết hợp tác trong giao tiếp (*Cooperative Principle*)

Lí thuyết hợp tác do Paul Grice [8] đề xuất, là một trong những nền tảng quan trọng trong nghiên cứu ngữ dụng học, giúp giải thích cách con người duy trì hiệu quả trong giao tiếp. Theo Grice, để cuộc hội thoại diễn ra suôn sẻ, người tham gia thường tuân theo nguyên tắc hợp tác, tức là hành động một cách hợp lí và phù hợp với mục tiêu chung của cuộc giao tiếp. Trên cơ sở đó, Grice đã đưa ra bốn phương châm hội thoại (*maxims of conversation*), bao gồm phương châm về lượng (quantity), phương châm về chất (quality), phương châm về quan hệ (relation), và phương châm về cách thức (manner).

Phương châm về lượng quy định rằng người nói cần cung cấp đủ thông tin, không quá ít cũng không quá nhiều so với yêu cầu của người nghe. Nếu thông tin quá ít, người nghe có thể không hiểu đầy đủ thông điệp mà người nói muốn truyền tải; ngược lại, nếu thông tin quá nhiều, nó có thể gây nhiễu loạn và làm giảm hiệu quả của giao tiếp. Ví dụ, khi một sinh viên hỏi giáo viên: *Chúng ta cần đọc bao nhiêu tài liệu cho bài luận này?* và nhận được câu trả lời: *Chỉ cần đọc những tài liệu chính được đề xuất trong giáo trình*, điều này thể hiện sự tuân thủ phương châm về lượng vì thông tin được cung cấp vừa đủ và chính xác với câu hỏi.

Phương châm về chất yêu cầu người nói cung cấp thông tin đúng sự thật, không đưa ra những phát ngôn sai lệch hoặc thiếu căn cứ. Trong giao tiếp hàng ngày, việc tuân thủ phương châm này giúp xây dựng lòng tin giữa các cá nhân và đảm bảo tính xác thực của thông tin được truyền đạt. Ví dụ, khi ai đó hỏi về thời tiết và nhận được câu trả lời *Hôm nay trời nắng đẹp* trong khi thực tế trời đang mưa, điều này vi phạm phương châm về chất. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói có thể cố ý vi phạm phương châm này để tạo hiệu ứng hài hước hoặc ẩn dụ, chẳng hạn như khi một người nhìn ra ngoài cửa sổ trong một ngày mưa lớn và nói *Thật là một ngày đẹp trời!* - điều này có thể mang hàm ý mỉa mai hoặc châm biếm.

Phương châm về quan hệ quy định rằng phát ngôn của người nói phải liên quan đến bối cảnh hội thoại. Nếu thông tin không liên quan, cuộc hội thoại có thể trở nên rời rạc và khó hiểu. Ví dụ, nếu một người hỏi *Bạn có thích bộ phim hôm qua không?* và người kia trả lời *Tôi đang rất đói*, câu trả lời này không liên quan đến câu hỏi và có thể gây bối rối cho người nghe. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc vi phạm phương châm về quan hệ có thể nhằm tạo ra hiệu ứng ngầm định hoặc hàm ý nào đó, chẳng hạn như khi người nói muốn né tránh một câu hỏi nhạy cảm.

Phương châm về cách thức yêu cầu người nói diễn đạt rõ ràng, tránh sử dụng những từ ngữ mơ hồ, tối nghĩa hoặc phức tạp không cần thiết. Một câu nói có thể vi phạm phương châm này nếu nó quá dài dòng hoặc gây hiểu lầm cho người nghe. Ví dụ, nếu một bác sĩ nói với bệnh nhân *Tình trạng của anh liên quan đến sự gia tăng đột biến của các tế bào lympho T trong hệ thống miễn dịch, dẫn đến rối loạn điều hòa miễn dịch và ảnh hưởng đến chức năng nội mô*, người bệnh có thể không hiểu được ý nghĩa thực sự của câu nói. Một cách diễn đạt đơn giản và rõ ràng hơn như *Anh đang gặp vấn đề về hệ miễn dịch khiến cơ thể dễ bị viêm nhiễm* sẽ giúp người nghe tiếp nhận thông tin dễ dàng hơn.

Mặc dù lí thuyết hợp tác nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ các phương châm hội thoại, nhưng trong thực tế giao tiếp, các phương châm này không phải lúc nào cũng được tuân thủ tuyệt đối.

Người nói có thể cố ý vi phạm hoặc vi phạm một cách gián tiếp nhằm truyền tải những hàm ý (*implicature*) sâu xa hơn. Grice gọi đây là hiện tượng vi phạm hoặc lợi dụng phương châm hội thoại để tạo ra ý nghĩa ngầm định. Chẳng hạn, khi một người được hỏi *Bạn thấy buổi thuyết trình hôm nay thế nào?* và trả lời *Tôi rất thích cách trình bày của diễn giả*, câu trả lời này có thể hàm ý rằng nội dung bài thuyết trình không thực sự ấn tượng. Việc sử dụng hàm ý như vậy giúp người nói thể hiện quan điểm một cách tinh tế, tránh gây xung đột trực tiếp.

Lí thuyết hợp tác có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu giao tiếp liên văn hóa, đặc biệt khi mỗi nền văn hóa có cách thức tuân thủ hoặc vi phạm phương châm hội thoại khác nhau. Ví dụ, người nói tiếng Anh thường đề cao tính trực tiếp và rõ ràng trong giao tiếp, trong khi người nói tiếng Việt có xu hướng sử dụng cách diễn đạt gián tiếp nhằm duy trì phép lịch sự và tránh gây mất lòng. Chẳng hạn, trong tiếng Anh, một người có thể yêu cầu người khác đóng cửa bằng cách nói *Could you close the door, please?*, trong khi trong tiếng Việt, một cách diễn đạt phổ biến hơn là *Hình như cửa đang mở kìa*, hàm ý rằng người nghe nên chủ động đóng cửa mà không cần bị yêu cầu trực tiếp. Sự khác biệt này có thể dẫn đến những hiểu lầm trong giao tiếp liên ngữ, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi các cá nhân từ nhiều nền văn hóa khác nhau tương tác với nhau.

Việc nghiên cứu và áp dụng lí thuyết hợp tác không chỉ giúp nâng cao hiệu quả giao tiếp mà còn có ý nghĩa quan trọng trong giảng dạy ngôn ngữ và nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. Trong giảng dạy ngoại ngữ, việc hiểu rõ các phương châm hội thoại có thể giúp người học phát triển kĩ năng giao tiếp tốt hơn, biết cách sử dụng hàm ý một cách phù hợp và tránh những lỗi gây hiểu lầm khi giao tiếp với người bản ngữ. Đồng thời, trong lĩnh vực truyền thông, chính trị, và kinh doanh, lí thuyết hợp tác có thể được vận dụng để phân tích các chiến lược diễn ngôn, cách sử dụng ngôn từ nhằm tạo ảnh hưởng, thuyết phục hoặc né tránh trách nhiệm trong các bối cảnh khác nhau.

Tóm lại, lí thuyết hợp tác của Grice cung cấp một khung lí thuyết quan trọng để hiểu về cách thức con người sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày. Dù các phương châm hội thoại không phải lúc nào cũng được tuân thủ tuyệt đối, nhưng chính sự vi phạm có chủ ý lại mở ra nhiều khả năng sáng tạo trong giao tiếp, đồng thời phản ánh sự khác biệt về văn hóa và xã hội trong cách sử dụng ngôn ngữ.

Mặc dù lí thuyết hợp tác của Grice (1975) đã được nhắc đến rộng rãi trong các tài liệu ngôn ngữ học, song việc chỉ dừng lại ở việc liệt kê bốn phương châm hội thoại có thể khiến người đọc cảm thấy khuôn mẫu và lặp lại. Do đó, điều quan trọng trong nghiên cứu hiện nay không phải là việc tái khẳng định các khái niệm nền tảng, mà là mở rộng khả năng vận dụng chúng để lí giải những hiện tượng ngôn ngữ phức tạp trong đời sống thực tiễn - nơi giao tiếp không phải lúc nào cũng tuyến tính, minh bạch hoặc tuân thủ nguyên tắc một cách rõ ràng.

Trên thực tế, người nói thường xuyên vận dụng các phương châm này một cách linh hoạt, đôi khi là có chủ đích vi phạm để truyền đạt những hàm ý xã hội sâu xa hơn. Việc sử dụng chiến lược ngôn ngữ này không chỉ giúp họ né tránh xung đột, giữ gìn phép lịch sự, mà còn thể hiện sự nhạy cảm trong giao tiếp đa tầng văn hóa. Đây chính là điểm mà lí thuyết hợp tác cần được xem xét lại dưới lăng kính thực hành - như một bộ công cụ giúp giải thích tính "không minh bạch có chủ đích" của ngôn ngữ, chứ không chỉ là khung lí thuyết định chuẩn về giao tiếp hiệu quả.

Ngoài ra, việc áp dụng lí thuyết này vào các lĩnh vực như phân tích hội thoại trong truyền thông, giáo dục, pháp luật hay đàm phán kinh doanh cũng cho thấy tiềm năng ứng dụng rộng lớn của nó. Thay vì chỉ mô tả các cuộc hội thoại lí tưởng, người nghiên cứu cần đào sâu hơn vào các trường hợp "lệch chuẩn" - nơi sự vi phạm phương châm lại chính là điểm mấu chốt tạo nên chiều sâu ý nghĩa.

Như vậy, lí thuyết hợp tác của Grice vẫn giữ giá trị nền tảng, nhưng để không lặp lại một cách giáo điều, chúng ta cần tái diễn giải và vận dụng nó như một công cụ phân tích linh hoạt, phục vụ cho việc nhận diện những chiến lược giao tiếp thực tế - nơi ngôn ngữ không đơn thuần chỉ để truyền tải thông tin, mà còn để xây dựng mối quan hệ, đàm phán vị thế, và thể hiện bản sắc cá nhân.

Lí thuyết hợp tác có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu giao tiếp liên văn hóa, đặc biệt khi mỗi nền văn hóa có cách thức tuân thủ hoặc vi phạm phương châm hội thoại khác nhau [5, tr.1-34]. Ví dụ, người nói tiếng Anh thường đề cao tính trực tiếp và rõ ràng trong giao tiếp, trong khi người nói tiếng Việt có xu hướng sử dụng cách diễn đạt gián tiếp nhằm duy trì phép lịch sự và tránh gây mất lòng. Chẳng hạn, trong tiếng Anh, một người có thể yêu cầu người khác đóng cửa bằng cách nói *"Could you close the door, please?"*, trong khi trong tiếng Việt, một cách diễn đạt phổ biến hơn là *"Hình như cửa đang mở kìa."*, hàm ý rằng người nghe nên chủ động đóng cửa mà không cần bị yêu cầu trực tiếp. Sự

khác biệt này có thể dẫn đến những hiểu lầm trong giao tiếp liên ngữ, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi các cá nhân từ nhiều nền văn hóa khác nhau tương tác với nhau [6].

Việc nghiên cứu và áp dụng lí thuyết hợp tác không chỉ giúp nâng cao hiệu quả giao tiếp mà còn có ý nghĩa quan trọng trong giảng dạy ngôn ngữ và nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. Trong giảng dạy ngoại ngữ, việc hiểu rõ các phương châm hội thoại có thể giúp người học phát triển kĩ năng giao tiếp tốt hơn, biết cách sử dụng hàm ý một cách phù hợp và tránh những lỗi gây hiểu lầm khi giao tiếp với người bản ngữ [11]. Đồng thời, trong lĩnh vực truyền thông, chính trị, và kinh doanh, lí thuyết hợp tác có thể được vận dụng để phân tích các chiến lược diễn ngôn, cách sử dụng ngôn từ nhằm tạo ảnh hưởng, thuyết phục hoặc né tránh trách nhiệm trong các bối cảnh khác nhau.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định tính kết hợp với phân tích định lượng nhằm đảm bảo tính khách quan và khoa học trong việc so sánh chiến lược diễn đạt ý kiến giữa tiếng Việt và tiếng Anh.

- *Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ (Contrastive Analysis)* [4, tr.85-87]: Phương pháp này giúp xác định những điểm tương đồng và khác biệt trong cách diễn đạt ý kiến giữa hai ngôn ngữ thông qua việc phân tích cấu trúc, từ vựng và phong cách biểu đạt.

- *Phương pháp phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)* [7]: Nghiên cứu sử dụng phân tích diễn ngôn để khám phá cách thức người nói tiếng Việt và tiếng Anh sử dụng các chiến lược ngôn ngữ để thể hiện quan điểm và duy trì phép lịch sự trong giao tiếp.

- *Khảo sát qua bảng hỏi và phân tích tài liệu ngôn ngữ* [1]: Một khảo sát được tiến hành trên 200 người bản ngữ của hai ngôn ngữ để đánh giá tần suất sử dụng các chiến lược diễn đạt ý kiến. Dữ liệu được phân tích để xác định các khuynh hướng giao tiếp phổ biến.

- *Phỏng vấn chuyên gia ngôn ngữ*: Để bổ sung góc nhìn chuyên sâu, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn các chuyên gia ngôn ngữ học nhằm làm rõ các đặc điểm giao tiếp và vai trò của yếu tố văn hóa trong diễn đạt ý kiến.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp kết hợp giữa khảo sát bảng hỏi và phân tích tài liệu ngôn ngữ thứ cấp (xem Phụ lục), dựa trên các nghiên cứu trước của Nguyễn V.C [1]. Mục tiêu nhằm làm rõ các chiến lược diễn đạt ý kiến được người bản ngữ của hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) sử dụng trong các tình huống giao tiếp có chứa yếu tố bất đồng quan điểm.

Cụ thể, một bảng hỏi gồm 5 tình huống giao tiếp giả định đã được thiết kế và phát cho 200 người bản ngữ (gồm 100 người Việt và 100 người nói tiếng Anh) trong độ tuổi từ 20 - 45, có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên. Các tình huống được xây dựng nhằm tái hiện các ngữ cảnh giao tiếp thường gặp trong đời sống xã hội, nơi người tham gia cần đưa ra ý kiến cá nhân, phản bác nhẹ nhàng hoặc thể hiện sự không đồng tình. Người tham gia khảo sát được yêu cầu chọn lựa cách diễn đạt phù hợp hoặc tự điền vào các câu trả lời mở.

Bên cạnh bảng hỏi, nghiên cứu còn tiến hành phân tích ngữ liệu định tính, bao gồm các đoạn hội thoại, bài phát biểu, hoặc văn bản giao tiếp mang tính thực tiễn được trích từ sách giáo khoa, chương trình đào tạo ngôn ngữ, hoặc ngữ liệu thực tế từ mạng xã hội và truyền thông đại chúng.

Dữ liệu thu được từ cả hai nguồn được phân tích theo hướng xác định tần suất và kiểu loại chiến lược diễn đạt ý kiến như: chiến lược trực tiếp, gián tiếp, giảm nhẹ phát ngôn, định hướng người nghe, hay định hướng vào thể diện của người nói/người nghe (theo khung lí thuyết lịch sự của Brown & Levinson [6]). Kết quả phân tích giúp xác định các khuynh hướng giao tiếp đặc trưng trong từng cộng đồng ngôn ngữ và làm cơ sở cho phân thảo luận so sánh liên văn hóa.

### 4. Kết quả và thảo luận

**4.1.** Kết quả thu thập được từ 5 tình huống giả định trong bảng hỏi cho thấy sự khác biệt đáng kể trong việc lựa chọn chiến lược giao tiếp giữa hai nhóm đối tượng.

- *Tình huống 1* (bày tỏ sự không đồng ý trong thảo luận học thuật), phần lớn người nói tiếng Anh (82%) lựa chọn các phương án mang tính giảm nhẹ, thể hiện lịch sự gián tiếp. Trong khi đó, 55% người nói tiếng Việt có xu hướng chọn phương án trực tiếp, phản ánh sự thẳng thắn tương đối phổ biến trong giao tiếp học thuật bằng tiếng Việt.

- Tình huống 2 (đề nghị giúp đỡ), 90% người nói tiếng Anh chọn cách diễn đạt lịch sự như câu hỏi gợi mở, so với 68% ở nhóm người Việt - cho thấy sự khác biệt trong nhận thức và thói quen sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống cần hỗ trợ.

- Tình huống 3 (phản hồi ý kiến chưa chính xác), 79% người nói tiếng Anh tiếp cận theo hướng hàm ý và đối thoại mang tính xây dựng, trong khi đó, 58% người Việt phản ứng trực tiếp và phản bác thẳng vào nội dung.

- Tình huống 4 (trình bày ý kiến khác với cấp trên), người nói tiếng Việt thể hiện sự thận trọng rõ rệt: 70% lựa chọn giữ ý kiến riêng hoặc trình bày gián tiếp, phản ánh ảnh hưởng của quan hệ vai vế và văn hóa tôn ti trong giao tiếp. Ngược lại, 88% người nói tiếng Anh ưu tiên các chiến lược giảm nhẹ và tiếp cận linh hoạt.

- Tình huống 5 (đóng góp ý kiến trái chiều trong thảo luận nhóm), nhóm người Việt có xu hướng trình bày trực tiếp hơn (65% chọn phương án 1 và 2), trong khi nhóm người nói tiếng Anh thể hiện mức độ nhún nhường và hòa giải cao hơn (78% chọn phương án gợi mở và trung lập).

Nhìn chung, số liệu khảo sát cho thấy người nói tiếng Anh có xu hướng áp dụng các chiến lược lịch sự gián tiếp nhất quán hơn trong đa số các tình huống, trong khi người Việt linh hoạt tùy thuộc vào bối cảnh, mức độ trang trọng và quan hệ xã hội giữa các bên giao tiếp.

**4.2. Dữ liệu phỏng vấn được thu thập từ 5 chuyên gia trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng và giảng dạy ngoại ngữ, với phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc nhằm khai thác sâu về vai trò của yếu tố văn hóa, xã hội và quan hệ giao tiếp trong lựa chọn chiến lược diễn đạt.**

Các chuyên gia đều nhất trí rằng người Việt Nam có xu hướng điều chỉnh phát ngôn tùy thuộc vào địa vị xã hội, mối quan hệ giữa người nói và người nghe cũng như bối cảnh giao tiếp. Một số chuyên gia cho rằng, trong môi trường học thuật hoặc công việc trang trọng, người Việt thường lựa chọn cách diễn đạt gián tiếp hoặc vòng vo để tránh gây xung đột. Điều này trái ngược với người bản ngữ tiếng Anh, những người có xu hướng sử dụng cách nói trực tiếp nhưng vẫn đảm bảo tính lịch sự thông qua các cụm từ giảm nhẹ.

Một chuyên gia chia sẻ: “Ở Việt Nam, việc phát biểu ý kiến còn phụ thuộc vào vai vế, tuổi tác và sự tôn trọng tập thể. Người phát biểu phải cân nhắc kỹ trước khi phản biện hoặc thể hiện bất đồng, nhất là với cấp trên.” Một chuyên gia khác thì cho rằng: “Người học tiếng Anh thường gặp khó khăn trong việc sử dụng ngôn ngữ giảm nhẹ vì cấu trúc này ít phổ biến trong thực hành tiếng Việt, trong khi lại rất thường gặp trong giao tiếp bằng tiếng Anh”.

Những phân tích trên cho thấy ảnh hưởng rõ rệt của yếu tố văn hóa - xã hội đến lựa chọn ngôn ngữ và chiến lược giao tiếp. Đây là căn cứ để giải thích sự chênh lệch trong kết quả khảo sát giữa hai nhóm ngôn ngữ và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp yếu tố văn hóa vào giảng dạy ngoại ngữ.

### **4.3. Sự khác biệt trong cách diễn đạt ý kiến trái chiều**

#### **(1) Xu hướng sử dụng ngôn ngữ giảm nhẹ và trực tiếp**

Nghiên cứu cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa người nói tiếng Anh và tiếng Việt trong việc diễn đạt ý kiến trái chiều:

<b>Người nói tiếng Anh</b>	<b>Người nói tiếng Việt</b>
<b>90%</b> người tham gia khảo sát sử dụng cụm từ giảm nhẹ ( <i>hedging phrases</i> ) như <i>I see your point, but...</i> hoặc <i>That's an interesting perspective, however...</i>	<b>65%</b> người tham gia khảo sát có xu hướng sử dụng cách diễn đạt trực tiếp như <i>Tôi không đồng ý với điều này</i> hoặc <i>Tôi nghĩ rằng cách tiếp cận này chưa phù hợp</i> .
=> Điều này phản ánh đặc trưng của tiếng Anh là ưu tiên sự <b>lịch sự gián tiếp (indirect politeness)</b> để giảm thiểu sự đối đầu trong giao tiếp.	=> Tuy nhiên, trong bối cảnh trang trọng, người Việt vẫn kết hợp các yếu tố giảm nhẹ để tránh gây cảm giác <b>đối đầu</b> .

Sự khác biệt trong cách diễn đạt ý kiến trái chiều giữa người nói tiếng Anh và tiếng Việt không chỉ là vấn đề ngôn ngữ, mà còn phản ánh sâu sắc những đặc trưng văn hoá chi phối hành vi giao tiếp.

Ở người nói tiếng Anh, việc sử dụng các cụm từ giảm nhẹ như *I see your point, but...*, *That's an interesting perspective, however...*, hay *I'm afraid I can't agree with that point*. cho thấy một chuẩn mực giao tiếp đề cao tính lịch sự gián tiếp (indirect politeness). Đây là đặc điểm nổi bật của các nền

văn hoá thuộc nhóm “low-context” như Mỹ, Anh, nơi mà việc thể hiện rõ lập trường cá nhân được chấp nhận, nhưng phải đi kèm với các chiến lược làm dịu để tránh va chạm trực tiếp. Lịch sự trong trường hợp này là một công cụ bảo vệ “thể diện” (face-saving) cho cả người nói và người nghe.

Ngược lại, người Việt - vốn chịu ảnh hưởng từ văn hoá Á Đông mang tính “high-context” - có xu hướng thiên về giao tiếp gián tiếp, giàu tính quan hệ và chú trọng sự hòa hợp trong tương tác xã hội. Tuy vậy, kết quả khảo sát lại cho thấy 65% người nói tiếng Việt lựa chọn cách diễn đạt trực tiếp khi phản bác như *Tôi không đồng ý với điều này* hay *Tôi nghĩ rằng cách tiếp cận này chưa phù hợp*. Điều này có thể lý giải bởi hai yếu tố:

- Sự khác biệt giữa văn nói đời thường và ngôn ngữ học thuật: Trong các bối cảnh tranh luận mang tính chuyên môn (như học thuật hay thảo luận nhóm), người Việt có thể chấp nhận sự trực tiếp hơn mà không coi đó là bất lịch sự, miễn là thái độ còn giữ tính tôn trọng.

- Ảnh hưởng của môi trường giáo dục hiện đại và hội nhập: Việc tiếp cận với các phương pháp giáo dục phương Tây đã phần nào thúc đẩy người học tiếng Việt (đặc biệt là giới trẻ, giới học thuật) mạnh dạn bày tỏ quan điểm rõ ràng hơn, dù chưa thực sự phổ biến.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng trong các tình huống giao tiếp trang trọng, người Việt vẫn thể hiện xu hướng kết hợp các yếu tố giảm nhẹ như *Tôi rất trân trọng ý kiến của anh/chị, nhưng...* để duy trì phép lịch sự và tránh xung đột. Điều này phản ánh sự linh hoạt trong chiến lược giao tiếp của người Việt - biết điều chỉnh ngôn ngữ theo cấp độ xã hội, vai vế, và bối cảnh đối thoại.

Tiểu kết, sự khác biệt trong cách thể hiện ý kiến trái chiều giữa tiếng Anh và tiếng Việt không thể tách rời khỏi nền tảng văn hoá của từng cộng đồng ngôn ngữ. Trong khi người nói tiếng Anh sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để bảo vệ “thể diện cá nhân”, thì người Việt lại linh hoạt hơn, cân nhắc giữa tính hiệu quả của phát ngôn và sự hài hòa trong quan hệ xã hội. Việc hiểu rõ những yếu tố văn hoá nền này không chỉ giúp người học ngoại ngữ giao tiếp hiệu quả hơn mà còn góp phần nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá.

#### (2) So sánh trong các tình huống cụ thể

Nghiên cứu phân tích hai tình huống giao tiếp phổ biến và cho thấy sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ:

Tình huống	Tiếng Anh	Tiếng Việt
<b>Tranh luận học thuật</b>	<i>I appreciate your insight, but I believe an alternative approach could be considered.</i>	<i>Tôi rất trân trọng ý kiến của anh/chị, nhưng có lẽ ta nên cân nhắc một cách tiếp cận khác.</i>
<b>Phản đối trực tiếp</b>	<i>I'm afraid I can't agree with that point.</i>	<i>Tôi e rằng tôi không thể đồng ý với quan điểm này.</i>
	=> Cụm từ như <i>I appreciate your insight...</i> hoặc <i>I'm afraid...</i> giúp giảm nhẹ sự đối đầu và duy trì sự lịch sự.	=> Diễn đạt trực tiếp hơn nhưng vẫn có thể điều chỉnh tùy theo bối cảnh giao tiếp.

#### 4.4. Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến cách diễn đạt ý kiến

Việc lựa chọn cách diễn đạt quan điểm không chỉ phụ thuộc vào yếu tố ngôn ngữ và văn hoá, mà còn bị chi phối mạnh mẽ bởi bối cảnh giao tiếp cụ thể. Trong ngữ dụng học, khái niệm “context” bao gồm các yếu tố như: mối quan hệ giữa các bên tham gia, mục đích hội thoại, không gian - thời gian diễn ra giao tiếp, và cả kì vọng xã hội gắn với vai trò của người nói và người nghe.

##### - Giao tiếp ngang hàng và giao tiếp phân cấp

Trong các tình huống giao tiếp ngang hàng (ví dụ: bạn bè, đồng nghiệp cùng cấp), người nói có xu hướng sử dụng cách diễn đạt trực tiếp hơn do khoảng cách quyền lực thấp. Ngược lại, trong giao tiếp phân cấp (ví dụ: cấp dưới trình bày ý kiến với cấp trên), đặc biệt trong văn hoá Việt Nam, người nói thường chọn các cách nói gián tiếp hoặc mang tính kính ngữ để giữ phép lịch sự và tránh gây mất mặt cho người nghe.

Ví dụ trong tình huống cấp dưới góp ý với cấp trên:

- Tiếng Anh: *Perhaps we could consider another approach.*

- Tiếng Việt: *Dạ, em nghĩ có thể mình cân nhắc một hướng tiếp cận khác ạ.*

→ Trong khi người nói tiếng Anh sử dụng cấu trúc mang tính đề xuất nhẹ nhàng (*perhaps, could*), người Việt còn bổ sung thêm cách xưng hô theo vai vế và từ đệm thể hiện sự khiêm nhường như “ạ”, “ạ”, “em nghĩ”.

#### - *Giao tiếp học thuật và giao tiếp đời thường*

Nghiên cứu cũng cho thấy người Việt có thể sử dụng cách nói trực tiếp hơn trong môi trường học thuật hoặc tranh luận chuyên môn, nơi mà vai trò cá nhân và năng lực lí luận được đánh giá cao. Tuy nhiên, trong giao tiếp đời thường - đặc biệt với người lớn tuổi, người có địa vị xã hội cao hơn - thì sự tế nhị, vòng vo và tránh đối đầu trực diện vẫn được ưu tiên.

Điều này phản ánh đặc điểm linh hoạt của tiếng Việt trong việc điều chỉnh cách diễn đạt dựa trên mục tiêu giao tiếp và hệ thống giá trị văn hoá như “kính trên nhường dưới”, “giữ hòa khí”, hay “lời nói chẳng mất tiền mua”.

#### 4.5. *Hệ quả và gợi ý trong giao tiếp liên văn hoá*

Sự khác biệt về chiến lược diễn đạt ý kiến trái chiều giữa tiếng Anh và tiếng Việt có thể dẫn đến hiểu lầm trong giao tiếp liên ngữ, đặc biệt khi người học một ngoại ngữ áp dụng thói quen ngôn ngữ bản địa mà không điều chỉnh theo chuẩn mực văn hoá của ngôn ngữ đích.

Ví dụ, người Việt khi giao tiếp bằng tiếng Anh có thể bị đánh giá là quá “thẳng thắn” nếu dịch nguyên văn các câu như *Tôi không đồng ý với điều này* thành *I don't agree with this* mà không kèm theo cụm từ giảm nhẹ. Ngược lại, người bản ngữ tiếng Anh khi sử dụng các cụm như *That's an interesting point, but...* có thể bị người Việt hiểu nhầm là đồng thuận do sự thiếu rõ ràng trong phản bác.

Do đó, việc hiểu và dạy ngôn ngữ không thể tách rời kiến thức văn hoá, đặc biệt trong các tình huống giao tiếp có tính mâu thuẫn hoặc bất đồng ý kiến. Các chiến lược ngữ dụng như sử dụng từ giảm nhẹ, ngụ ý, chuyển hướng nội dung hay lựa chọn cách xưng hô phù hợp đều cần được đưa vào chương trình giảng dạy ngoại ngữ và đào tạo kỹ năng giao tiếp liên văn hoá.

#### 5. *Kết luận*

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng cách diễn đạt ý kiến không chỉ bị chi phối bởi yếu tố ngữ pháp hay từ vựng, mà còn phản ánh đặc điểm văn hoá - xã hội của từng ngôn ngữ. Cụ thể, người nói tiếng Anh có xu hướng sử dụng các cụm từ giảm nhẹ để giảm thiểu mức độ đối đầu trong giao tiếp, trong khi đó, người nói tiếng Việt lại linh hoạt trong cách diễn đạt, tùy thuộc vào bối cảnh và quan hệ giữa các bên giao tiếp. Điều này cho thấy sự khác biệt trong chiến lược giao tiếp của hai cộng đồng ngôn ngữ, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu rõ các quy tắc ngôn ngữ và văn hoá để nâng cao hiệu quả truyền đạt.

Bên cạnh ý nghĩa học thuật, nghiên cứu còn mang lại những ứng dụng thực tiễn quan trọng trong lĩnh vực giảng dạy và học tập ngôn ngữ. Trước hết, kết quả nghiên cứu giúp nâng cao nhận thức về giao tiếp đa văn hóa, giúp người học hiểu rằng sự khác biệt trong cách diễn đạt phản ánh đặc trưng văn hóa của từng ngôn ngữ và không chỉ đơn thuần là vấn đề ngữ pháp. Ngoài ra, nghiên cứu cũng góp phần phát triển kỹ năng phản biện và tranh luận cho người học, giúp họ biết cách sử dụng ngôn ngữ giảm nhẹ và điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp với bối cảnh. Điều này không chỉ giúp cải thiện khả năng giao tiếp mà còn tạo lợi thế trong môi trường học thuật và chuyên nghiệp, đặc biệt là trong các tình huống đàm phán, tranh luận hay trình bày quan điểm trước công chúng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Chiến. *Từ xưng hô trong tiếng Việt (nghiên cứu ngữ dụng học và dân tộc học giao tiếp)*. VNU Journal of Science: Social Sciences and Humanities, 9(3). 2021.
2. Đoàn Thiện Thuật. *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2007.

##### Tiếng Anh

3. Austin, J. L. *How to do things with words*. Oxford University Press. 1962.
4. Avis, W. S.. *Linguistics across Cultures: Applied Linguistics for Language Teachers*, by Robert Lado, Ann Arbor, Univ. of Michigan Press, 1957. Pp. ix-141. *Canadian Journal of Linguistics/Revue canadienne de linguistique*, 3(2), 85-87.
5. Blum-Kulka, S., House, J., & Kasper, G. *Investigating cross-cultural pragmatics: An introductory overview*. Cross-cultural pragmatics: Requests and apologies, 31, 1-34. 1989.
6. Brown, P., & Levinson, S. C. *Politeness: Some universals in language usage*. Cambridge University Press. 1987.
7. Gee, J. P. *An introduction to discourse analysis: Theory and method*. Routledge. 2014.
8. Grice, H. P. *Logic and conversation*. In P. Cole, & J. Morgan (Eds.). *Syntax and semantics* (pp. 41-58). New York: Academic Press. 1975.
9. Leech, G. *Principles of Pragmatics*. Longman. 1983.

10. Searle, J. R. *Expression and Meaning: Studies in the Theory of Speech Acts*. Cambridge University Press. 1979.  
 11. Thomas, J. A. *Meaning in interaction: An introduction to pragmatics*. Routledge. 2014.

### PHỤ LỤC

#### A. Bảng khảo sát

Bảng khảo sát này được thiết kế nhằm thu thập dữ liệu định lượng phục vụ nghiên cứu về các chiến lược diễn đạt ý kiến trong tiếng Việt và tiếng Anh. Người tham gia sẽ được yêu cầu lựa chọn các cách diễn đạt phù hợp trong những tình huống giao tiếp giả định. Dữ liệu thu được sẽ giúp xác định xu hướng sử dụng ngôn ngữ lịch sự và mức độ trực tiếp/gián tiếp trong từng ngôn ngữ.

##### Phần 1: Thông tin cá nhân:

1. Tuổi của bạn

- 18-25  
 26-35  
 36-50  
 >50

2. Ngôn ngữ chính của bạn:

- Tiếng Việt  
 Tiếng Anh

3. Giới tính của bạn:

- Nam  
 Nữ

##### Phần 2: Các tình huống:

Bạn hãy chọn 1 phương án phù hợp nhất với mình ở các tình huống sau đây:

1. **Tình huống 1:** Khi bạn không đồng ý với quan điểm trong buổi thảo luận học thuật, bạn sẽ thể hiện như thế nào?

- Tôi không đồng ý với điều đó.  
 Tôi nghĩ rằng có cách tiếp cận khác phù hợp hơn.  
 Tôi hiểu quan điểm của bạn, tuy nhiên tôi có góc nhìn khác.  
 Xin lỗi, tôi không hoàn toàn đồng ý.

2. **Tình huống 2:** Khi muốn đề nghị ai đó giúp đỡ, bạn sẽ chọn:

- Hãy giúp tôi với việc này.  
 Bạn có thể giúp tôi không?  
 Không biết bạn có rảnh giúp tôi không nhỉ?  
 Tôi rất cần bạn giúp đỡ, nếu có thể.

3. **Tình huống 3:** Khi muốn phản hồi một ý kiến mà bạn cảm thấy không chính xác, bạn sẽ nói:

- Tôi thấy ý đó chưa đúng.  
 Tôi nghĩ bạn nên xem lại quan điểm đó.  
 Có lẽ chúng ta nên thảo luận thêm về điểm này.  
 Tôi hiểu, nhưng liệu bạn đã cân nhắc khía cạnh khác chưa?

4. **Tình huống 4:** Trong bối cảnh trang trọng, khi không đồng tình với cấp trên, bạn sẽ:

- Trình bày trực tiếp quan điểm của mình.  
 Trình bày ý kiến bằng cách dẫn dắt từ một vấn đề liên quan.  
 Đưa ra câu hỏi mở để làm rõ quan điểm đối phương trước khi phản biện.  
 Giữ ý kiến cho riêng mình và không nêu ra.

5. **Tình huống 5:** Trong cuộc họp nhóm, khi muốn đóng góp ý kiến khác với nhóm, bạn chọn cách:

- Tôi có ý kiến khác hoàn toàn với mọi người.  
 Theo tôi, có một phương án khác mà chúng ta nên cân nhắc.  
 Tôi nghĩ chúng ta cần xem xét lại toàn bộ kế hoạch.  
 Tôi đồng ý phần nào, nhưng có thể ta cần điều chỉnh một chút.

#### B. Câu hỏi phỏng vấn chuyên gia

- Theo ông/bà, những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc lựa chọn cách diễn đạt ý kiến trong giao tiếp?
- Trong bối cảnh học thuật, người Việt có xu hướng diễn đạt trực tiếp hay gián tiếp? Vì sao?
- Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ lịch sự trong phát ngôn giữa người bản ngữ tiếng Việt và tiếng Anh?
- Theo quan sát của ông/bà, yếu tố văn hóa có ảnh hưởng như thế nào đến cách dùng hành vi ngôn ngữ?
- Ông/bà có thể chia sẻ một tình huống cụ thể minh họa sự khác biệt trong diễn đạt giữa hai ngôn ngữ?

Xin chân thành cảm ơn ./.